

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



## Nafion™ N2050WX

Phiên bản 1.12	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/10/17	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1823697-00013	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/05/31 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/07/11
-------------------	--	--	---

### 1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : Nafion™ N2050WX

SDS-Identcode : 130000144009

#### Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : Công Ty TNHH Chemours Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 7, Tòa nhà Friendship, số 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé,  
Quận 1, Tp.  
Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Điện thoại : (84 8) 6288 3964

Số điện thoại liên hệ trong  
trường hợp khẩn cấp : 1800-577-721

#### Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : tấm và các sản phẩm tạo hình  
Công nghiệp điện và điện tử  
màng mỏng

Hạn chế khi sử dụng : Chỉ dùng trong công nghiệp  
Không được sử dụng hoặc bán lại các nguyên vật liệu của  
Chemours™ cho các ứng dụng y tế liên quan đến việc cấy  
ghép trong cơ thể con người hay truyền chất dịch hoặc mô vào  
cơ thể nếu không có sự đồng ý của người bán thông qua một  
bản thỏa thuận chính thức. Để biết thêm thông tin chi tiết, xin  
vui lòng liên hệ văn phòng đại diện của Chemours.

### 2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

#### Phân loại theo GHS

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

#### Các yếu tố nhãn theo GHS

Không cần có hình ảnh nguy hiểm, từ tín hiệu, (các) tuyên bố về mối nguy và (các) tuyên bố thận trọng.

#### Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

### 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



## Nafion™ N2050WX

Phiên bản 1.12	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/10/17	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1823697-00013	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/05/31 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/07/11
-------------------	--	--	---

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

### Thành phần

Không có thành phần nguy hiểm

## 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp	: Không áp dụng được
Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da	: Không áp dụng được
Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt	: Không áp dụng được
Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa	: Không áp dụng được
Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này	: Sốt gây ra bởi khí của Polyme Kích ứng cục bộ Các triệu chứng có thể bị chậm lại
Bảo vệ người sơ cứu	: Không cần thiết có sẵn các biện pháp phòng bị cho nhân viên cấp cứu.
Lưu ý đối với bác sỹ điều trị	: Điều trị triệu chứng và điều trị hỗ trợ

## 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp	: Bụi nước Bọt chịu cồn. Carbon đioxit (CO2) Hóa chất khô
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	: Được biết là chưa xảy ra.
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	: Phơi nhiễm với các sản phẩm dễ cháy có thể nguy hại đối với sức khỏe.
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy	: Chưa từng biết có các sản phẩm gây nổ độc hại
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	: Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



## Nafion™ N2050WX

Phiên bản 1.12	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/10/17	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1823697-00013	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/05/31 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/07/11
-------------------	--	--	---

Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chứa không mở.  
Di chuyển các thùng chứa chưa bị hư hại ra khỏi khu vực  
đám cháy nếu việc này không gây nguy hiểm.  
Sơ tán toàn bộ khu vực.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.  
Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.

### 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Không áp dụng được

Các cảnh báo về môi trường : Không có yêu cầu đặc biệt nào về mặt an toàn môi trường.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Không áp dụng được

### 7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Các biện pháp kỹ thuật : Không áp dụng được

Thông gió cục bộ/toàn bộ : Không áp dụng được

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Không áp dụng được

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Lưu trữ theo các quy định đặc biệt của quốc gia.  
Bảo đảm dán nhãn phù hợp

Các chất cần tránh bảo quản chung : Không có hạn chế đặc biệt nào về việc lưu giữ chung với các sản phẩm khác.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị : 2 - 50 °C

Thêm thông tin về độ ổn định kho lưu trữ : Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị.

### 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc  
Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Các biện pháp kiểm soát : Không áp dụng được

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



## Nafion™ N2050WX

Phiên bản 1.12	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/10/17	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1823697-00013	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/05/31 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/07/11
-------------------	--	--	---

### thiết bị phù hợp

#### Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Thông thường không yêu cầu các thiết bị bảo hộ hô hấp cá nhân.

Bảo vệ tay

Ghi chú : Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

Bảo vệ mắt : Không áp dụng được

Bảo vệ da và cơ thể : Không áp dụng được

Các biện pháp vệ sinh : Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng.

### 9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái : Phiếu, Màng

Màu sắc : màu tự nhiên

Mùi đặc trưng : không mùi

Ngưỡng mùi : chưa có dữ liệu

Độ pH : chưa có dữ liệu

Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc : Phân hủy trước khi nóng chảy.

Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu : chưa có dữ liệu

Điểm cháy : Không áp dụng được

Tỷ lệ hóa hơi : Không áp dụng được

Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) : chưa có dữ liệu

Giới hạn trên của cháy nổ /  
Giới hạn trên của sự bốc cháy : chưa có dữ liệu

Giới hạn dưới của cháy nổ /  
Giới hạn dưới của sự bốc : chưa có dữ liệu

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



## Nafion™ N2050WX

Phiên bản 1.12	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/10/17	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1823697-00013	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/05/31 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/07/11
-------------------	--	--	---

cháy

Áp suất hóa hơi : Không áp dụng được

Tỷ trọng hơi tương đối : Không áp dụng được

Tỷ trọng tương đối : chưa có dữ liệu

Độ hòa tan

Độ hòa tan trong nước : không tan

Hệ số phân tán: n-  
octanol/nước : Không áp dụng được

Nhiệt độ tự bốc cháy : chưa có dữ liệu

Nhiệt độ phân hủy : 150 °C

Độ nhớt

Độ nhớt, động học : Không áp dụng được

Đặc tính cháy nổ : Không gây nổ

Đặc tính oxy hóa : Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.

Đặc điểm hạt

Kích thước hạt : chưa có dữ liệu

### 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng : Không thuộc loại nguy hại phản ứng.

Tính ổn định : Ổn định trong các điều kiện thông thường.

Phản ứng nguy hiểm : Được biết là chưa xảy ra.

Các điều kiện cần tránh : Được biết là chưa xảy ra.

Vật liệu không tương thích : Không có gì.

Phản ứng phân hủy và các  
sản phẩm độc của phản ứng  
phân hủy : Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

### 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Đường tiếp xúc : Tiếp xúc với da  
Ăn uống  
Tiếp xúc với mắt

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



## Nafion™ N2050WX

Phiên bản 1.12	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/10/17	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1823697-00013	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/05/31 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/07/11
-------------------	--	--	---

---

### **Độc cấp tính**

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

### **Ăn mòn/kích ứng da**

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

### **Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt**

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

### **Kích thích hô hấp hoặc da**

### **Nhạy cảm với da**

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

### **Nhạy cảm với hô hấp**

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

### **Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)**

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

### **Tác nhân gây ung thư**

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

### **Độc tính sinh sản**

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

### **STOT - Tiếp xúc một lần**

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

### **STOT - Tiếp xúc lặp lại**

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

### **Độc tính hô hấp**

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

---

## 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

### **Độc môi trường**

chưa có dữ liệu

### **Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy**

chưa có dữ liệu

### **Khả năng tích lũy sinh học**

chưa có dữ liệu

### **Độ linh động trong đất**

chưa có dữ liệu

### **Các tác hại khác**

chưa có dữ liệu

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Nafion™ N2050WX

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/05/31
1.12	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2017/07/11
	2024/10/17	1823697-00013	

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn	: Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải
	Loại bỏ theo quy định của địa phương
Bao bì nhiễm độc	: Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ
	Nếu không được quy định khác: Xử lý như đối với sản phẩm chưa sử dụng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN	: Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp	: Không áp dụng được
Hạng	: Không áp dụng được
Nhóm phụ số	: Không áp dụng được
Nhóm hàng	: Không áp dụng được
Nhãn	: Không áp dụng được
Nguy hại với môi trường	: không

IATA-DGR

Số UN/ID	: Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp	: Không áp dụng được
Hạng	: Không áp dụng được
Nhóm phụ số	: Không áp dụng được
Nhóm hàng	: Không áp dụng được
Nhãn	: Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay)	: Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay)	: Không áp dụng được

Mã IMDG

Số hiệu UN	: Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp	: Không áp dụng được
Hạng	: Không áp dụng được
Nhóm phụ số	: Không áp dụng được
Nhóm hàng	: Không áp dụng được
Nhãn	: Không áp dụng được
Mã EmS	: Không áp dụng được
Chất ô nhiễm đại dương	: Không áp dụng được

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC  
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



## Nafion™ N2050WX

Phiên bản 1.12	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/10/17	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1823697-00013	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/05/31 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/07/11
-------------------	--	--	---

### Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Không áp dụng được

## 15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

### Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

## 16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 2024/10/17  
gần nhất

Các thông tin khác : Nafion™ và bất kỳ những logo liên kết khác đều là những thương hiệu hoặc bản quyền của Công ty The Chemours Company FC, LLC. Chemours™ và logo của Chemours là thương hiệu đã được đăng ký của công ty The Chemours Company. Vui đọc thông tin an toàn của Chemours trước khi sử dụng. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ văn phòng Chemours tại địa phương hoặc nhà phân phối do Chemours chỉ định.

### Thông tin khác

Nguồn dữ liệu chính dùng để : Dữ liệu kỹ thuật nội bộ, dữ liệu từ Bảng thông tin an toàn lập Phiếu Dữ liệu An toàn (SDS) nguyên liệu, kết quả tìm kiếm trên Cổng thông tin điện tử về hóa chất OECD và Cơ quan hóa chất Châu Âu, <http://echa.europa.eu/>

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

### Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ALLC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hòa hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



## Nafion™ N2050WX

Phiên bản 1.12	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/10/17	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1823697-00013	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/05/31 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/07/11
-------------------	--	--	---

người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECL - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin được cung cấp trong Bảng dữ liệu an toàn này là chính xác nhất theo kiến thức, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi tại ngày công bố. Thông tin chỉ được đưa ra như hướng dẫn để công bố, bỏ, vận chuyển, lưu trữ, xử lý, sử dụng và điều khiển an toàn và sẽ không được xem là sự bảo hành hoặc thông số kỹ thuật về chất lượng của bất kỳ loại nào. Thông tin được cung cấp chỉ liên quan đến tài liệu cụ thể đã nêu tại trang đầu tiên SDS này và sẽ không hợp lệ khi tài liệu SDS được sử dụng liên quan đến bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được nêu cụ thể trong văn bản. Người dùng tài liệu nên đánh giá thông tin và các đề xuất trong hoàn cảnh cụ thể và theo cách thức điều khiển, sử dụng, xử lý và lưu trữ dự kiến của mình, bao gồm việc đánh giá tính phù hợp của tài liệu SDS trong sản phẩm cuối cùng của người dùng, nếu có thể áp dụng.

VN / VI